TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2213/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03/7/2023
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Bùi Thị Phụng
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2023 tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức (trụ sở 3) địa chỉ: 18 đường số 6, khu phố 5, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 934/2023/HNST ngày 15/04/2022 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2649/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3318/2023/QĐST-HNGĐ ngày 16/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Đình Q, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt),
Địa chỉ: Thôn Yên Khang, xã Quảng yên, huyện Quảng X, tỉnh T H.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).
Địa chỉ: Số 54 Ích Thạnh, khu phố Ích Thạnh, phường Tr, thành phố T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tô Đình Q trình bày:

Ông và bà Lê Thị H tự nguyện h sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1995 ngày 31/10/1995. Quá trình h sống, thời gian đầu vợ chồng h sống hạnh phúc được vài năm đầu thì hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi vã không ai nhường nhịn ai. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2001 đến nay. Trong quá trình sống ly thân vợ chồng cũng không hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông Q được ly hôn với bà Lê Thị H.

- Về con h: có 01 con h là Tô Đinh H, sinh ngày 10/10/1996 (đã thành niên).

- Về tài sản h: ông Q và bà H tự xác định không có.

- Về nợ h: ông Q và bà H tự xác định không có.

Bị đơn ông Lê Thị H (vắng mặt không có lời khai).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ phiếu xác minh ngày 17/04/2023 thể hiện bị đơn bà Lê Thị H cư trú tại địa chỉ Số 54 Ích Thạnh, khu phố Ích Thạnh, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự thủ tục sơ thẩm là Tòa án

nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 25/03/2022 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là Tranh chấp ly hôn được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Tại phiên tòa ông Tô Đình Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 85, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.4]. Bị đơn bà Lê Thị H, đã được Tòa án thông báo về việc bị khởi kiện, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý; giấy triệu tập đương sự; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không có lý do, coi như đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của nguyên đơn ông Tô Đình Q đối với bị đơn bà Lê Thị H

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 21/1995 ngày 31/10/1995 Ủy ban nhân dân xã Quảng Yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa thì quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận, trong quá trình giải quyết vụ án bà H vắng mặt, nên tòa án không thể làm rõ giữa ông Q và bà H mâu thuẫn gì, tuy nhiên bà H không đến tòa coi như từ bỏ yêu cầu đoàn tụ gia đình, vì vậy nếu kéo dài cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của ông Q đối với bà H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[2.2] Về con h: có 01 con h là Tô Đình H, sinh ngày 10/10/1996 hiện tại đã trưởng thành và không cần cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản h: ông Tô Đình Q xác định không có, bà Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ h: ông Tô Đình Q xác định không có, bà Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Tô Đình Q pQ chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Đình Q được ly hôn với bà Lê Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1995 ngày 31/10/1995 của Ủy ban nhân dân xã Quảng yên, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/1995 ngày 31/10/1995 cấp cho Tô Đình Q và bà Lê Thị H không còn giá trị pháp lý.

2. Về con h: có 01 con h là Tô Đình H, sinh ngày 10/10/1996 (đã trưởng thành)

3. Về tài sản h: Về tài sản h: ông Tô Đình Q xác định không có, bà Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ h: ông Tô Đình Q xác định không có, bà Lê Thị H vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) ông Tô Đình Q pQ chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) ông Tô Đình Q đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0026413 ngày 08/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

6. Quyền yêu cầu Thi hành án: "Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người pQ Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Thắng